

STRESS, LO ÂU, TRẦM CẢM CỦA NHÂN VIÊN Y TẾ HUYỆN KIẾN XƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2022

Bùi Thị Quỳnh Trang¹, Bùi Thị Huyền Diệu^{2*},

TÓM TẮT

Mục tiêu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện từ tháng 1- tháng 7 năm 2022 trên 237 nhân viên y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ DASS-21 với mục tiêu mô tả tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm của đối tượng nghiên cứu trong giai đoạn phòng chống COVID-19.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tỷ lệ Tỷ lệ NVYT có biểu hiện stress, lo âu, trầm cảm lần lượt là 13,5%, 21,1% và 13,1%. 10,1% có 2 rối nhiễu tâm lý và 4,2% có 3 rối nhiễu tâm lý phối hợp. Thiếu trang bị bảo hộ khi làm việc là yếu tố có liên quan tới Stress của nhân viên y tế. Cảm giác không được bảo vệ an toàn bằng các TTBBH là yếu tố có liên quan tới lo âu và trầm cảm của nhân viên y tế ($p < 0,05$). NVYT bị mắc COVID-19 có tỷ lệ rối loạn lo âu cao hơn so với NVYT không mắc COVID-19

Từ khóa: stress, lo âu, trầm cảm; Nhân viên y tế

ABSTRACT

STRESS, ANXIETY, DEPRESSION AMONG HEALTH WORKER IN KIEN XUONG DISTRICT HEALTH CENTRE, THAI BINH PROVINCE 2022

Subjects: Across-sectional study was conducted from 1-7/2022 among 237 health worker in Kien Xuong District Health Center, Thai Binh Province. The study used DASS-21 to describe the prevalence of stress, anxiety and depression of participants. The results showed that: the prevalence of stress, anxiety and depression was 13,5%, 21,1%, 13,1% respectively. 10,1% had 2 mental disorders and 4,2% had 3 combined mental disorders. Lack of protective equipment when working is a factor related to stress of healthcare workers. Feeling of not being protected safely by protective equipment is a factor related to anxiety and depression of

healthcare workers ($p < 0.05$). Health workers with COVID-19 have a higher rate of anxiety disorders than those without COVID-19

Keywords: stress, anxiety, depression; health worker

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 đã đặt các nhân viên y tế trên toàn thế giới vào một tình huống chưa từng có. Nguy cơ xảy ra các trạng thái tâm lý bất lợi ở nhân viên y tế là đặc biệt cao. Nhân viên y tế đang phải đối mặt với những điều kiện khó khăn và nguồn lực hạn chế để chăm sóc bệnh nhân COVID-19, truy vết, thu dung, xét nghiệm, tiêm phòng vắc xin... điều này khiến họ có nguy cơ cao bị trầm cảm, lo lắng và mất ngủ. Theo báo cáo của Hiệp hội sức khỏe tâm thần Mỹ, nghiên cứu trên 1119 nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho bệnh nhân COVID cho thấy 93% có biểu hiện của Stress, 86% có biểu hiện của lo âu, 77% bị kiệt sức, 76% bị thất vọng về bản thân. Một nghiên cứu tại Việt Nam tại 8 bệnh viện tại Hà Nội tham gia điều trị bệnh nhân COVID 19 cho tỷ lệ lo âu, stress và trầm cảm tương ứng là 19,5%, 8% và 5,7% [1,2].

Có rất nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng tới tâm lý của nhân viên y tế trong công tác phòng chống dịch COVID như: vị trí công việc, khối lượng công việc, thời gian làm việc, sự kìm hãm, xa lánh của mọi người do sợ nhiễm bệnh, sự đau yếu, kiệt sức, tử vong của người bệnh.

Với mục tiêu xác định tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm của nhân viên y tế tuyến cơ sở, cụ thể là nhân viên y tế tuyến huyện và tuyến xã tại tỉnh Thái Bình, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài "Thực trạng Stress, lo âu, trầm cảm ở nhân viên y tế huyện Kiến Xương tham gia phòng chống COVID-19 năm 2022"

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

• Đối tượng nghiên cứu

Nhân viên y tế thuộc Trung tâm y tế huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình

• Tiêu chuẩn lựa chọn

1. Trung tâm y tế huyện Kiến Xương, Thái Bình

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

* Chịu trách nhiệm chính: Bùi Thị Huyền Diệu

Email: huyendieu1410@gmail.com

Ngày nhận bài: 14/9/2022

Ngày phản biện: 05/10/2022

Ngày duyệt bài: 10/10/2022

Cán bộ phải công tác từ 6 tháng trở lên tính đến ngày làm nghiên cứu

• **Tiêu chuẩn loại trừ**

- Đối tượng không đủ các tiêu chuẩn trên.
- Đối tượng vắng mặt tại thời điểm điều tra (nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ do ốm đau)
- Đối tượng từ chối tham gia nghiên cứu.

Thời gian nghiên cứu: từ tháng 1 đến tháng 7 năm 2022

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm y tế huyện Kiến Xương và các trạm y tế thuộc TTYT

• **Phương pháp nghiên cứu**

- Thiết kế nghiên cứu
- Nghiên cứu tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả với cuộc điều tra cắt ngang

• **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

Nghiên cứu sử dụng cỡ mẫu toàn bộ. Tất cả nhân viên đang làm việc tại các trạm y tế xã và trung tâm y tế thuộc huyện Kiến Xương, đáp ứng tiêu chuẩn lựa chọn sẽ được mời tham gia nghiên cứu

• **Phương pháp thu thập số liệu**

Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn. Bộ câu hỏi gồm 2 phần: Phần 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu, phần 2: Thông tin về công tác phòng chống dịch, phần 3: Bộ câu hỏi DASS-21

Tiêu chuẩn cho điểm DASS-21

Bảng 1. Các mức độ rối loạn tâm lý theo DASS-21

Mức độ		Trầm cảm	Lo âu	Stress
Không mắc		0-9	0-7	0-14
Có mắc	Nhẹ	10-13	8-9	15-18
	Vừa	14-20	10-14	19-25
	Nặng	21-27	15-19	26-33
	Rất nặng	≥28	≥20	≥34

• **Phương pháp xử lý số liệu**

Thông tin thu thập được nhập bằng phần mềm Epidata 3.01 xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 21.0. Sử dụng test thống kê y học chiquare (χ^2) test để kiểm định tỷ lệ có ý nghĩa thống kê với mức $p < 0,05$. Kết quả nghiên cứu được trình bày bằng bảng tỷ lệ %, biểu đồ.

• **Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu**

Nghiên cứu được sự đồng ý của lãnh đạo Trung tâm y tế huyện, các trạm y tế xã. Tất cả đối tượng nghiên cứu đều được giải thích kỹ lưỡng về mục đích nghiên cứu và đều có quyền từ chối không tham gia. Kết quả của nghiên cứu này hoàn toàn phục vụ cho mục đích học tập và nghiên cứu khoa học, không vì bất cứ mục đích nào khác.

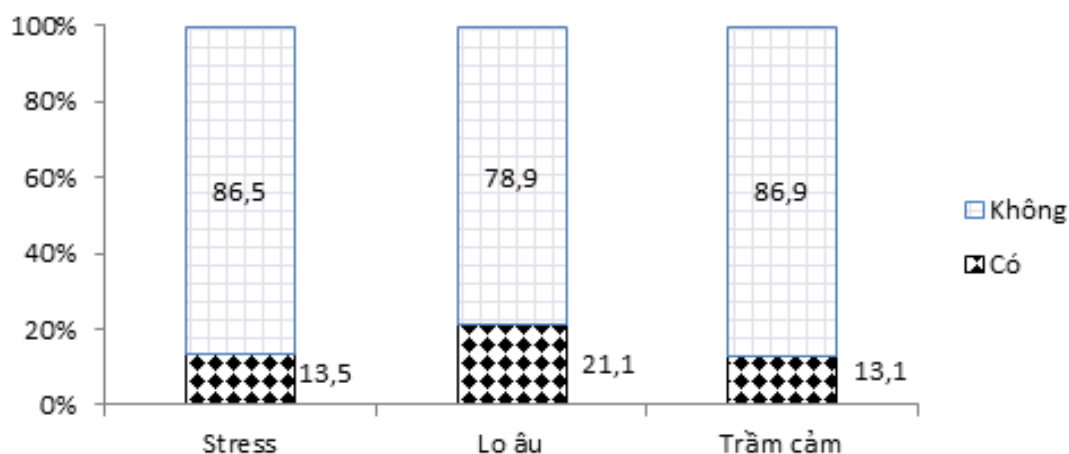
III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 2. Thông tin về đối tượng nghiên cứu (n=237)

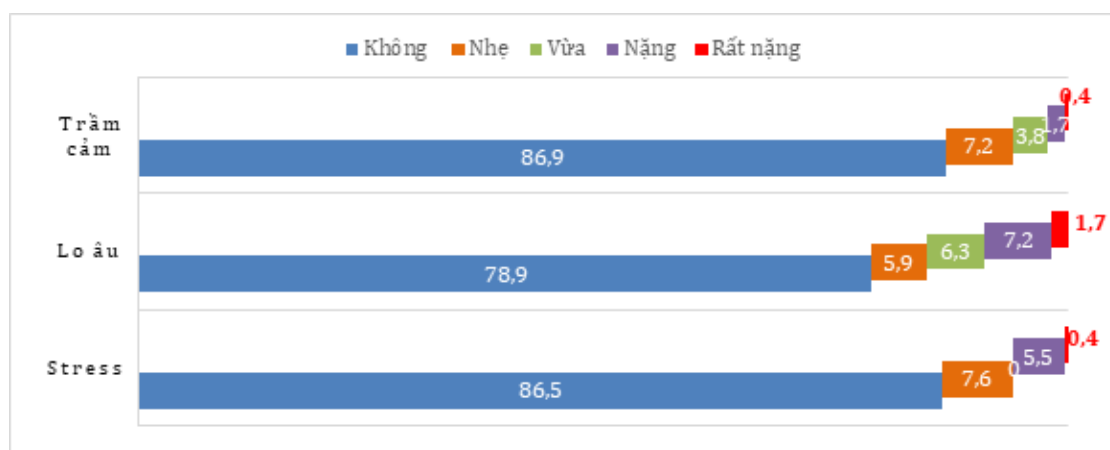
Biến số		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	54	22,8
	Nữ	183	77,2
Chức danh nghề nghiệp	Bác sĩ	40	16,9
	Dược sĩ	38	16,0
	Điều dưỡng	80	33,8
	Nữ hộ sinh/KTV	30	12,6
	Khác (kế toán, dân số...)	49	20,7
Trình độ chuyên môn	Trung cấp/cao đẳng	161	67,9
	Đại học	71	30,0
	Sau đại học	5	2,1
Độ tuổi	≤ 30 tuổi	24	10.1
	31-40 tuổi	107	45.1
	41-50 tuổi	70	29.5
	≥ 51 tuổi	36	15.2
Số năm làm việc	<5 năm	9	3.8
	5-10 năm	68	28.7
	>10 năm	160	67.5

Bảng 2 cho thấy: Nhân viên y tế là nữ giới chiếm tỷ lệ cao với 77,2%. Tỷ lệ bác sĩ là 16,9%. 67,9% nhân viên có trình độ trung cấp/cao đẳng, tỷ lệ học tốt nghiệp đại học là 67,9%, sau đại học là 2,1%. Nhóm tuổi từ 31-40 chiếm tỷ lệ cao nhất với 45,1%, nhóm tuổi chiếm tỷ lệ thấp nhất là dưới 30 tuổi với 10,1%



Biểu đồ 1. Tỷ lệ nhân viên y tế có biểu hiện stress, lo âu, trầm cảm

Biểu đồ 1 cho thấy: Trong số 237 NVYT được điều tra, tỷ lệ NVYT có biểu hiện Stress là 13,5%, tỷ lệ NVYT có biểu hiện lo âu và trầm cảm tương ứng là 21,1% và 13,1%



Biểu đồ 2. Tỷ lệ các mức độ stress, lo âu, trầm cảm ở NVYT

Biểu đồ 2 cho kết quả: Trong số NVYT có biểu hiện Stress thì 7,6% mắc ở mức độ nhẹ, 5,5% mắc ở mức độ nặng và 0,4% mắc rất nặng. Trong số những NVYT bị lo âu, có 5,9% bị nhẹ, 6,3% bị ở mức vừa, 7,2% ở mức nặng và 1,7% ở mức rất nặng. Tỷ lệ NVYT bị mắc trầm cảm mức nhẹ, vừa, nặng và rất nặng tương ứng là: 7,2%, 3,8%, 1,7% và 0,4%.

Bảng 3. Đặc điểm các dạng rối nhiễu tâm lý phối hợp (n=237)

Tình trạng	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Không có rối loạn	168	70,9
Có 1 rối loạn	35	14,8
Có 2 rối loạn	24	10,1
Có 3 rối loạn	10	4,2
Tổng	237	100,0

Bảng 3 cho kết quả: Có 70,9% NVYT không có các rối nhiễu tâm lý tại thời điểm nghiên cứu, 14,8% NVYT có 1 rối nhiễu, 10,1% có 2 rối nhiễu và 4,2% có 3 rối nhiễu tâm lý phối hợp

Bảng 4. Các yếu tố cá nhân liên quan tới stress, lo âu, trầm cảm (n=237)

Nội dung		Stress (n=32)		Lo âu (n=50)		Trầm cảm (n=31)	
		SL	%	SL	%	SL	%
Giới tính	Nam	9	16,7	10	18,5	7	13,0
	Nữ	23	12,6	40	21,9	24	13,1
p		>0,05		>0,05		>0,05	
Nhóm tuổi	≤ 30 tuổi	4	16,7	6	25,0	2	8,3
	31-40 tuổi	11	10,3	20	18,7	9	8,3
	41-50 tuổi	10	14,3	16	22,9	12	17,1
	≥ 51 tuổi	7	19,4	8	22,2	8	22,2
p		>0,05		>0,05		>0,05	
Chức danh nghề nghiệp	Bác sĩ	7	17,5	9	22,5	4	10,0
	Dược sĩ	5	13,2	9	23,7	3	7,9
	Điều dưỡng/ KTV	12	14,8	16	19,8	11	13,6
	Nữ hộ sinh	4	13,8	5	17,2	5	17,2
	Khác	4	8,2	11	22,4	8	16,3
p		>0,05		>0,05		>0,05	
Trình độ chuyên môn	TC/CD	24	14,9	35	21,7	23	14,3
	Đại học	8	11,3	14	19,7	6	8,5
	Sau đại học	0	0	1	20,0	2	40,0
p		>0,05		>0,05		>0,05	
Số năm làm việc	<5 năm	2	22,2	2	22,2	0	0
	5-10 năm	8	11,8	18	26,5	9	13,2
	>10 năm	22	13,8	30	18,8	22	13,8
p		>0,05		>0,05		>0,05	

Bảng 4 cho kết quả: Tỷ lệ stress ở nam giới cao hơn nữ giới với 16,7% và 12,6%, tỷ lệ nữ giới lo âu cao hơn nam với 21,8% và 18,5%. Nhóm tuổi trên 50 có tỷ lệ stress và trầm cảm cao hơn các nhóm tuổi khác. Bác sĩ có tỷ lệ stress cao hơn các nhóm chức danh khác. Tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$.

Bảng 5. Các yếu tố liên quan giữa công việc chống dịch và stress, lo âu, trầm cảm (n=237)

Nội dung		Stress (n=32)		Lo âu (n=50)		Trầm cảm (n=31)	
		SL	%	SL	%	SL	%
Thời gian chống dịch	<3 tháng	0	0	1	12,5	1	12,5
	3-6 tháng	3	16,7	6	33,3	2	11,1
	>6 tháng	29	13,7	43	20,4	28	13,3
p		>0,05		>0,05		>0,05	
Công việc	Điều tra, Truy vết	25	13,1	39	20,4	27	14,1
	Lấy mẫu	27	14,9	37	20,4	24	13,3
	Hỗ trợ tiêm vắc xin	24	11,8	40	19,6	28	13,7
	Điều trị	22	15,9	28	20,3	19	13,8

<i>p</i>		>0,05		>0,05		>0,05	
Được trang bị TTBBH	Đầy đủ	14	12,1	21	18,1	12	10,3
	Phần lớn là đủ	8	9,0	19	21,3	10	11,2
	Chỉ 1 phần	9	32,2	8	28,6	8	28,6
	Không	1	25,0	2	50,0	1	25,0
<i>p</i>		<0,05		>0,05		>0,05	
Cảm giác an toàn bởi TTBBH	An toàn	11	9,8	20	17,9	10	8,9
	An toàn 1 phần	19	16,2	25	21,4	16	13,7
	Không an toàn	2	25,0	5	62,5	5	62,5
<i>p</i>		>0,05		<0,05		<0,05	

Bảng 5 cho kết quả: Không có mối liên quan giữa thời gian chống dịch và các rối loạn tâm lý ở nhân viên y tế. Các nhân viên y tế đảm nhiệm các công việc khác nhau cũng có tỷ lệ rối loạn tâm lý tương đương nhau. Nhân viên y tế chỉ được trang bị 1 phần trang thiết bị bảo hộ có tỷ lệ stress cao hơn những người được trang bị đầy đủ ($p < 0,05$). Nhân viên y tế có cảm giác không được bảo vệ 1 cách an toàn bởi các trang thiết bị bảo hộ có tỷ lệ lo âu và trầm cảm cao hơn những người có cảm giác an toàn với các trang thiết bị bảo hộ ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Tỷ lệ nhân viên y tế tuyến cơ sở có biểu hiện Stress, lo âu và trầm cảm tương ứng với 13,5%, 21,1% và 13,1%. Tỷ lệ này thấp hơn so với một số nghiên cứu trong nước và quốc tế. Nghiên cứu của Trung Quốc đưa ra kết quả trong giai đoạn dịch COVID 19 đang bùng phát mạnh thì có 29,7% NVYT bị lo âu, 28,8% bị trầm cảm, nghiên cứu của Lenzo tại Italia cũng cho kết quả nhân viên y tế tuyến đầu chống dịch có tỷ lệ đầu bị stress, lo âu, trầm cảm tương ứng là: 33,7%; 21,4% và 28,6% [3,4]. Nghiên cứu của Nguyễn Phúc Thanh Nhân tại Đà Nẵng trong đại dịch COVID thì tỷ lệ nhân viên Y tế bị Stress lên tới 44,6%, nghiên cứu của Bùi Thị Thanh Vân ở Hà Nội cho kết quả tỷ lệ lo âu, stress và trầm cảm lần lượt là 19,5%, 8% và 5,7% [2,5]. Có sự khác biệt như vậy có thể lý giải bằng nhiều lý do. Thứ nhất, đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là nhân viên y tế trực thuộc trung tâm y tế huyện và phần lớn người tham gia trả lời câu hỏi là nhân viên y tế xã. Công việc của nhân viên y tế tuyến huyện và xã trong giai đoạn dịch COVID chủ yếu là điều tra, truy vết các trường hợp nghi mắc, tham gia quản lý người tại các khu điều trị và quản lý người mắc tại cộng đồng và những nhân viên y tế này không trực tiếp điều trị cho các trường hợp mắc COVID-1. Mặc dù nguy cơ lây nhiễm là có nhưng công việc không quá căng thẳng như những nhân viên trực tiếp điều trị và chứng kiến những

khoảnh khắc sinh tử của người bệnh do đó sự căng thẳng trong công việc của họ cũng không cao bằng những bác sĩ ở tuyến đầu chống dịch. Lý giải thứ hai cho điều này có thể là do thời điểm nghiên cứu của chúng tôi vào tháng 5/2022, thời điểm này dịch COVID-19 đã gần như được kiểm soát, mặc dù số người mắc trong cộng đồng lớn nhưng tỷ lệ tử vong đã giảm rất nhiều do tác dụng của tiêm phòng vắc xin, ngoài ra mọi biện pháp phong tỏa và cách ly đều đã được dỡ bỏ hoàn toàn, cuộc sống dần quay lại như thời điểm trước đại dịch, do đó công việc của những nhân viên y tế tại Trung tâm y tế và tuyến xã đã giảm nhiều so với thời điểm trước đó nên họ cũng không cảm thấy quá căng thẳng do công việc. Lý giải thứ ba, có thể là do phần lớn đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là những phụ nữ trung tuổi, ở độ tuổi này và nhất là ở phụ nữ Việt Nam, việc thể hiện cảm xúc và những nỗi buồn và sự vất vả của bản thân là rất hạn chế, trong nghiên cứu của Tine về phụ nữ Việt Nam đã nhận xét rằng phụ nữ Việt Nam luôn cố gắng che giấu những cảm xúc tiêu cực của bản thân bởi đức hi sinh của họ đối với gia đình và nó là một phần của văn hóa Việt Nam [6].

Kết quả trong nghiên cứu của chúng tôi cũng tương đồng với một số nghiên cứu khác. Nghiên cứu của Jaber tại Ả rập xê rút cho thấy không có mối liên quan giữa chức danh nghề nghiệp với

các rối loạn tâm lý. Tỷ lệ stress, lo âu, trầm cảm là tương đồng giữa bác sỹ, điều dưỡng, và cũng không có sự khác biệt về tỷ lệ các rối loạn tâm lý ở những NVYT làm việc tại các địa điểm khác nhau [7]. Nghiên cứu của Mohamed Aly năm 2021 trên 262 nhân viên y tế làm việc tại các bệnh viện công và bệnh viện đại học ở Ai Cập cho thấy không có mối liên quan giữa giới tính, tuổi, tình trạng hôn nhân và số con của NVYT với Stress, lo âu, trầm cảm [8]. Trong nghiên cứu của chúng tôi, có mối liên quan giữa cảm nhận độ an toàn của trang thiết bị bảo hộ mà nhân viên y tế sử dụng với trạng thái lo âu và sự trang bị bảo hộ đầy đủ với trạng thái stress của NVYT. nghiên cứu của Nguyễn Phúc Thanh Nhân tại Đà Nẵng cho thấy NVYT cảm thấy tự tin hoặc an toàn với đồ bảo hộ có khả năng giảm Stress hơn so với nhân viên không cảm thấy an toàn (OR=0,853, CI95%: 0,739-0,986) [5].

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nhân viên y tế có biểu hiện stress, lo âu, trầm cảm lần lượt là 13,5%, 21,1% và 13,1%. Thiếu trang bị bảo hộ khi làm việc là yếu tố có liên quan tới stress, cảm giác không được bảo vệ an toàn bằng các trang thiết bị y tế là yếu tố có liên quan tới lo âu và trầm cảm. Cần trang bị đầy đủ trang thiết bị y tế cho nhân viên y tế khi tham gia phòng chống dịch để đảm bảo nhân viên y tế có đủ sức khỏe về tinh thần khi tham gia chống các dịch bệnh nguy hiểm

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- 1. Mental Health America.** Healthcare workers experiencing burnout, stress due to COVID-19 pandemic [Internet]. Healthcare Finance News. [cited 2021 Sep 1]. Available from: <https://www.healthcarefinancenews.com/news/healthcare-workers-experiencing-burnout-stress-due-COVID-19-pandemic>
- 2. Bùi Thị Thanh Vân, Nguyễn Thị Bích Ngọc.** Thực trạng sức khỏe tinh thần của nhân viên y tế tham gia công tác phòng chống dịch viêm đường hô hấp cấp (COVID-19) ở một số bệnh viện tại Hà Nội năm 2020. Tạp Chí Học Việt Nam. 2021;501(2):95–100.
- 3. Zhang X, Zou R, Liao X, Bernardo ABI, Du H, Wang Z, et al.** Perceived Stress, Hope, and Health Outcomes Among Medical Staff in China During the COVID-19 Pandemic. *Front Psychiatry*. 2021 Jan 21
- 4. Lenzo V, Quattropiani MC, Sardella A, Martino G, Bonanno GA.** Depression, Anxiety, and Stress Among Healthcare Workers During the COVID-19 Outbreak and Relationships With Expressive Flexibility and Context Sensitivity. *Front Psychol*. 2021;12:348.
- 5. Nhan Phuc Thanh Nguyen et al.** Stress and Associated Factors among Frontline Healthcare Workers in the COVID-19 Epicenter of Da Nang City, Vietnam. *Int J Env Res Public Health*. 2021;18(7378).
- 6. Tine Gammeltolf.** Women's Bodies, Women's Worries. Curzon; 1999.
- 7. Jaber MJ, AlBashaireh AM, AlShatarat MH, Alqudah OM, Du Preez SE, AlGhamdi KS, et al.** Stress, Depression, Anxiety, and Burn-out among Healthcare Workers during the COVID-19 Pandemic: A Cross-sectional Study in a Tertiary Centre. *Open Nurs J*. 2022 ;16(1).
- 8. Aly HM, Nemr NA, Kishk RM, Elsaid NMA bakr.** Stress, anxiety and depression among healthcare workers facing COVID-19 pandemic in Egypt: a cross-sectional online-based study. *BMJ Open*. 2021 Apr 1;11(4)